

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Đo lường và điều khiển hệ thống lạnh (228158) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 1**

Tổ: **001**

Ngày thi: **03/11/2022**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **D6-32**

Mã nhận dạng: 001046

Trang : 1/2

Số SV có mặt: ...33...

Số bài thi: ...33...

Số tờ giấy thi: ...33...

Cán bộ coi thi 1 <i>Nguyễn Tấn Thuận</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Nguyễn Thị Lan</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Nguyễn Văn Sơn</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Nguyễn Văn Sơn</i>
---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121180006	NGÔ MINH ÂU	06/11/2003	CCQ2118A			<i>Âu</i>	6.0	4.0	4.8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2121180044	TRẦN HẢI ÂU	30/11/2003	CCQ2118B			<i>Âu</i>	6.0	3.0	3.6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2121180021	VÕ CAO BẢO	13/08/2003	CCQ2118A			<i>Bảo</i>	6.0	4.0	4.8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2121150056	LÊ AN CƯ ✓	26/01/2002	CCQ2118B			<i>Cư</i>	6.0	3.0	4.2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2121180067	TRẦN QUỐC CƯỜNG	02/06/2003	CCQ2118B			<i>Cường</i>	6.0	7.0	6.6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2121180056	CAO NHẤT DANH	28/06/2003	CCQ2118B			<i>Danh</i>	6.0	0	2.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2121180046	NGUYỄN HOÀN DIỆU	10/07/2003	CCQ2118B			<i>Diệu</i>	6.0	5.0	5.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2121180014	TRỊNH MINH DU	14/12/2003	CCQ2118A			<i>Du</i>	6.0	4.5	5.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2121180048	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	06/05/2003	CCQ2118B			<i>Dương</i>	6.0	4.0	4.8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2121180018	TRẦN QUÍ ĐÀI	09/10/2003	CCQ2118A			<i>Đài</i>	6.0	3.0	4.2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2121180004	TRỊNH VĂN HIỀN	08/05/2003	CCQ2118A			<i>Hiền</i>	6.0	1.0	3.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2121180032	NGUYỄN QUỐC HIỆP	16/06/2003	CCQ2118A			<i>Hiệp</i>	6.0	3.0	4.2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2121180022	HỒ CHÂU NGỌC HIẾU ✓	24/01/2003	CCQ2118A			<i>Hiếu</i>	6.0	4.5	5.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2121180061	LƯU HOÀI HIẾU ✓	20/09/2003	CCQ2118B			<i>Hiếu</i>	6.0	1.0	3.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2121180053	NGUYỄN HUỲNH MINH HIẾU ✓	27/01/2003	CCQ2118B			<i>Hiếu</i>	6.0	5.0	5.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2121180030	NGUYỄN KẾ HỌC ✓	07/05/2003	CCQ2118A			<i>Học</i>	6.0	1.0	3.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2121180023	LÊ ĐĂNG HUY	28/04/2003	CCQ2118A			<i>Huy</i>	6.0	0.5	2.7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2121180027	DƯƠNG LÂM KHANG	02/07/2003	CCQ2118A			<i>Khang</i>	7.3	8.0	7.7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2121180028	ĐÀO TRỌNG KHÁNH	03/07/2003	CCQ2118A			<i>Khánh</i>	6.0	8.0	7.2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2121180009	ĐẶNG TRUNG KIÊN	05/09/2003	CCQ2118A			<i>Kiên</i>	6.0	6.0	6.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 18/10/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 001046

Trang : 2/2

Môn học: **Đo lường và điều khiển hệ thống lạnh (228158) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 1**

Tổ: **001**

Ngày thi: **03/11/2022**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **D6-32**

Số SV có mặt: **83**

Số bài thi: **83**

Số tờ giấy thi: **83**

Cán bộ coi thi 1 <i>Trần Thị Thuần</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Nguyễn Thị Lan</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Nguyễn Văn Khoa</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Nguyễn Văn Khoa</i>
---	---	---	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2119180017	ĐÀO TRUNG KIẾT	08/06/2001	CCQ1918A			<i>Trung</i>	6.7	3.0	4.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2121180058	PHAN NHẬT LINH	27/04/2003	CCQ2118B			<i>Linh</i>	6.0	5.0	5.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2121180026	TẶNG CHÂU BÌNH LINH	29/05/2003	CCQ2118A			<i>Linh</i>	6.0	3.0	4.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2121180042	LÊ CÔNG LUẬN	06/02/2003	CCQ2118B			<i>Lu</i>	6.0	2.5	3.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2121180008	TRẦN VĂN MẠNH	14/01/2003	CCQ2118A			<i>Minh</i>	7.3	6.0	6.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2121180049	HÀ THANH NAM	10/11/2003	CCQ2118B			<i>Nam</i>	6.0	0.5	2.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2121180047	LÊ CÔNG NGHĨA	01/04/2003	CCQ2118B				5.7			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2121180039	NGUYỄN CÔNG NGUYỄN	04/03/2003	CCQ2118B			<i>Nguyễn</i>	6.0	1.0	3.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2121180031	VĂN QUYẾT CÔNG NHÃN	12/04/2002	CCQ2118A			<i>Nhân</i>	6.0	3.0	4.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2121180035	TRẦN ĐỨC NHUẬN	28/07/2003	CCQ2118A				5.7			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2121180003	ĐẶNG MINH NHỰT	22/05/2002	CCQ2118A			<i>Nhut</i>	6.7	6.0	6.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2121180057	NGUYỄN NGÔ NHẬT PHI	24/10/2003	CCQ2118B			<i>Phi</i>	6.0	5.0	5.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2121180016	PHAN HOÀNG PHÚC	30/06/2003	CCQ2118A			<i>Phuc</i>	5.7	3.0	4.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2121180002	NGUYỄN THẾ QUẢNG	03/03/2003	CCQ2118A			<i>Quang</i>	6.3	0.5	2.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2121180062	ĐOÀN NGUYỄN MINH QUYỀN	28/05/2003	CCQ2118B			<i>Quyen</i>	6.0	4.0	4.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 001047

Trang : 1/1

Môn học: **Đo lường và điều khiển hệ thống lạnh (228158) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 1**

Tổ: **002**

Ngày thi: **03/11/2022**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **D5-26**

Số SV có mặt: **14**

Số bài thi: **14**

Số tờ giấy thi: **14**

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2
----------------------	----------------------	-----------------------	-----------------------

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121180037	ĐẶNG THANH SƠN	06/02/2003	CCQ2118B		1		6.0	3.0	4.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2121180040	LÊ TRUNG TÀI	29/04/2003	CCQ2118B		1		6.0	4.5	3.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2121180052	ĐẶNG VĂN THIÊN	11/06/2002	CCQ2118B		1		6.0	3.5	4.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2121180068	HUỖNH THỊNH	21/09/2003	CCQ2118B		1		6.0	6.0	6.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2121180034	NGUYỄN QUANG THƯỜNG	07/03/2003	CCQ2118A		1		5.7	3.0	4.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2121180069	HOÀNG VĂN TIẾN	07/07/2003	CCQ2118B		1		7.3	8.0	7.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2121180013	NGUYỄN THÀNH TIN	12/12/2003	CCQ2118A		1		6.3	7.0	6.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2121180005	NGUYỄN VĂN TOÀN	19/07/2003	CCQ2118A		1		6.0	6.0	6.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2121180012	NGUYỄN TẤN TRIỂN	20/06/2002	CCQ2118A		1		5.7	4.5	5.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2121180029	NGUYỄN MINH TRỌNG	09/10/2003	CCQ2118A		1		5.7	3.5	4.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2121180001	ĐỖ ĐAN TRƯỜNG	18/08/2003	CCQ2118A		1		7.0	4.5	5.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2121180060	PHAN QUỐC TÚ	19/05/2003	CCQ2118B		1		6.7	3.0	4.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2119180040	PHAN THANH TÚ	01/01/2000	CCQ1918A		1		6.0	2.0	3.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2121180007	ĐẶNG BẢO TUẤN	26/01/2003	CCQ2118A		1		6.0	7.5	6.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Đo lường và điều khiển hệ thống lạnh (228158) - Nhóm 03**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 1**

Tổ: **001**

Ngày thi: **03/11/2022**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **D5-26**

Mã nhận dạng: 001048

Trang : 1/1

Số SV có mặt: ...08...

Số bài thi:08.....

Số tờ giấy thi: ...08...

Cán bộ coi thi 1 <i>Nguyễn Văn Tuấn</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Trần Quốc An</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Nam</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Nguyễn Văn Tuấn</i>
--	---	---------------------------------	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121180020	LÊ NGỌC ĐẠT	12/10/2003	CCQ2118LA		1	<i>Đạt</i>	7.2	7.0	7.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2121180076	LÊ TRỌNG HÙNG	22/02/2003	CCQ2118LA							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2121180045	NGUYỄN THÀNH LUÂN	13/06/2003	CCQ2118LA		1	<i>Thal</i>	6.7	6.0	6.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2121180025	NGUYỄN LÊ HOÀI NAM	28/08/2003	CCQ2118LA		1	<i>Nam</i>	7.2	5.0	5.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2121180066	TRẦN THANH NHÀN	19/08/2003	CCQ2118LA		1	<i>Nhan</i>	6.7	6.0	6.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2121180041	NGUYỄN MINH NHẤT	19/10/2003	CCQ2118LA		1	<i>Nh</i>	7.7	5.0	6.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2121180074	TRẦN TRỌNG SANG	04/02/2003	CCQ2118LA		1	<i>Sang</i>	6.5	6.5	6.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2121180065	ĐÀO VĂN THOẠI	12/11/2002	CCQ2118LA		1	<i>Thoai</i>	7.5	5.5	5.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2121180078	VÕ MINH TRỌNG	09/06/2003	CCQ2118LA		1	<i>Trọng</i>	7.8	6.0	6.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9